

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HS-PT

Ngày: 31/7/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Đào

*Các thẩm phán:*

Bà Trịnh Thị Thiện

Ông Hồ Đức Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:** Ông Lê Quang Phiệt.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2020/HSPT ngày 22/6/2020.

Do có kháng cáo của bị cáo đồng thời là bị hại Trần Văn Q, bị cáo Đoàn Ngọc L và người bị hại Đoàn Thị Khánh L đối với bản án HSST số 18/2020/HS-ST ngày 12-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXPT-HS ngày 13/7/2020.

**\* Bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Đoàn Ngọc L**, sinh ngày: 15/01/1988; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Ngọc K (đã mất) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1952; vợ: Phan Thị H Trang, sinh năm 1992, con: có 02 con (sinh năm 2016 và 2020); anh, chị, em ruột: có 03 người; bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: không; là Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt;

2. Họ và tên: **Trần Văn Q**, sinh ngày: 27/02/1991; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình N (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; vợ : Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1993; con: có 01 con sinh năm 2020; anh, chị, ruột: có 04 người, bị

cáo là con thứ 4; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**\* Người bị hại:**

1. Chị Đoàn Thị Khánh L; sinh năm 1983; trú quán: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; bị hại kháng cáo - có mặt.

2. Anh Phan Văn H, sinh năm: 1983, trú quán: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; bị hại không kháng cáo - vắng mặt.

3. Anh Trần Văn Q, sinh năm: 1991, trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; bị cáo đồng thời là bị hại trong vụ án kháng cáo - có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo** Đoàn Ngọc L và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại Đoàn Thị Khánh L: Ông Phạm Văn P, Văn phòng luật sư An Phát Phạm thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Tổ 4, khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1. Ông Đoàn Trọng K, sinh năm: 1951 (đã mất).

2. Bà Nguyễn Thị P; sinh năm: 1952; trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

3. Anh Trần Lý Q; sinh năm: 1986; trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

4. Anh Nguyễn Thế A; sinh năm: 1982; trú tại: Xóm Kim Thành, xã Sơn Tây, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

**\* Người làm chứng:**

1. Chị Phan Thị Hà T, sinh năm: 1992, có mặt

2. Chị Trần Thị G, sinh năm: 1988, có mặt

3. Anh Phan Công H, sinh năm: 2008, vắng mặt

- Người giám hộ hợp pháp của anh Phan Công H: Chị Đoàn Thị Khánh L và anh Phan Văn H

Đều có địa chỉ tại: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Điều tra viên: Ông Lê Phong L, Ông Nguyễn Văn K, công tác tại: Công an huyện H; có mặt.

5. Giám định viên: Ông Nguyễn Văn T, ông Đặng H, công tác tại: Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa Sở Y tế Hà Tĩnh; có mặt.

6. Giám định viên: Ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Thị T, công tác tại: Viện Pháp y Quốc gia – Bộ Y tế; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn nợ nần trong quá trình làm ăn với anh Phan Văn H nên khoảng 22 giờ 30 phút ngày 16/9/2019, Trần Văn Q một mình đi đến nhà anh H để đòi tiền nợ. Khi đến nhà anh H thấy cửa cổng khóa nên Q gọi anh H và nhiều lần dùng chân đạp vào cánh cổng làm bung ổ khóa và cánh cửa. Thấy vậy, chị Đoàn Thị Khánh L là vợ anh H mở cửa đi ra và nói với Q là anh H không ở nhà. Lúc này, giữa Q và chị L có lời qua tiếng lại, thấy chị L cầm điện thoại gọi điện, Q nghĩ chị L gọi người đến đánh mình nên Q đi về nhà lấy một chiếc gậy ba khúc bằng kim loại và một chiếc gậy điện (dùi cui điện) rồi quay lại nhà chị L. Lúc này, Đoàn Ngọc L (em trai chị L) ở gần đó nghe tiếng cạy cửa nên đi xuống nhà chị L để xem tình hình. Sau khi gặp chị L biết được Q đến đòi nợ tiền anh H thì L nói chị L tự giải quyết, rồi đi về nhà. Một lúc sau, Q từ nhà mình đi đến nhà chị L, cầm theo gậy điện và gậy ba khúc tiếp tục chửi bới và dùng gậy ba khúc đập phá chiếc xe mô tô nhãn hiệu ALTIMA, biển kiểm soát 29U4 - 0383 đang dựng trong sân nhà chị L, làm hư hỏng cụm đồng hồ, gáy, tay phanh bên phải, ốp bàn thờ. Đồng thời dùng chân đạp mạnh nhiều lần vào cánh cửa cổng bên trái, làm phía góc cửa gần chốt khóa bị cong vênh, trên mạt cửa bị lõm móp, phía dưới mạt cửa gần chốt khóa bị móp vào và phần khung khóa bị cong vênh so với vị trí ban đầu. Q tiếp tục dùng gậy điện đưa lên hướng về chị L bấm phát ra tiếng kêu “tách, tách”, rồi dùng gậy ba khúc đập phá xe mô tô hiệu YAMAHA JUPITER, biển kiểm soát 38H3 - 2555 làm hư hỏng cụm đồng hồ phía trước, ốp nhựa bàn thờ phía trước, cụm công tắc, gáy, cụm đèn hậu và xe mô tô hiệu Noza, biển kiểm soát 38H1 - 12030 làm hư hỏng mặt nhựa đồng hồ, cụm đèn pha phía trước. Lúc này, anh Trần Lý Q là anh trai của Q và bạn là Nguyễn Thế A thấy Q đang đập phá các xe mô tô của gia đình chị L nên can ngăn và lấy được gậy ba khúc, rồi bảo Q đi về cùng. Biết được sự việc, nên ông Đoàn Ngọc K và bà Nguyễn Thị P là cha mẹ đẻ của chị L, đến nhà chị L. Thấy Q đập phá xe của gia đình chị L nên ông K vào can ngăn thì bị Q dùng tay đẩy ngã xuống đất, rồi Q đi ra hướng ngoài cổng nhà chị L. Thấy vậy, bà Phan nín lại nên Q đẩy làm Phan ngã xuống, rồi dùng dùi cui điện bấm tách tách về hướng bà Phan. Lúc này, Đoàn Ngọc L đang ở nhà thì nghe cháu Phan Công Huy là con trai chị L chạy tới nói với L “cậu ơi họ đập ông dưới rồi”. Nghe Huy nói vậy, L lấy một con dao có cán bằng nhựa màu đen, dài 12 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 16 cm, đầu nhọn, sắc chạy đến hướng nhà chị L. Khi đến ngã ba giao nhau với trục đường chính và đường đến nhà L thì gặp Q đang cầm một dùi cui điện đi ra phía đường Quốc lộ 8A. Thấy vậy, L cầm dao chạy theo hướng Q rồi dùng dao chém nhiều nhất vào vùng cổ và tai của Q, khi Q bị ngã, L chém tiếp vào vai phải của Q. Bị chém nên Q bỏ chạy, L cầm dao đuổi theo một đoạn thì gặp anh Trần Lý Q và Nguyễn Thế A nên L bỏ đi về nhà. Q được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa cửa khẩu quốc tế Cầu Treo từ ngày 17 đến ngày 24/9/2019.

Hậu quả: Trần Văn Q bị thương một phần ba vùng giữa cổ bên phải có một vết rách da dài 11 cm, sâu 0,5cm bề mặt vết thương sắc nhọn. Đỉnh vành tai

phải có một vết rách dài 02 cm, sâu 0,5 cm, bờ sắc nhọn. Vùng vai bên phải đến mặt ngoài cánh tay phải có một vết xước da dài 18 cm.

\* Tại bản Kt luận giám định pháp y về thương tích số 102/TgT ngày 26/9/2019 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa - Sở y tế Hà Tĩnh Kt luận thương tích của Trần Văn Q: (Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 20/2014 / TT - BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế):

- Mép trên vành tai phải vết thương kích thước 1,5 cm đang còn 02 mũi chỉ khâu. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là : 02 %;

- Vùng cổ bên phải vết thương kích thước 8,5cm đang còn 11 mũi chỉ khâu. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 09 %;

- Vùng vai bên phải đến 1/3 giữa cánh tay phải có vết xây xước da kích thước 19 cm x 0,2 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01 %.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12 % (Mười hai phần trăm).

Thương tích ở vành tai phải , vùng cổ bên phải, vết xây xước da vùng vai phải đến 1/3 giữa mặt ngoài cánh tay phải, do vật sắc nhọn tác động vào gây nên.

Không đồng tình với Kt luận nêu trên, ngày 11/12/2019, Đoàn Ngọc L có đơn đề nghị giám định lại thương tích của Trần Văn Q.

\* Tại bản Kt luận giám định pháp y về thương tích số 08/TgT ngày 24/12/2019 của Viện pháp y Quốc gia Kt luận: (Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 20/2014 / TT - BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y Tế):

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 10 % (Mười phần trăm ).

Kt luận khác: Thương tích do vật sắc gây nên. Các sẹo vùng tai phải, cánh tay phải được tính theo nhóm sẹo không tách được tỷ lệ phần trăm từng tổn thương. Bị cáo Đoàn Ngọc L, bị hại Trần Văn Q đồng ý với Kt luận 08/ 20/ TgT của Viện pháp y Quốc gia.

\* Tại Kt luận định giá tài sản số 41/HĐĐG ngày 19/11/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện H xác định thiệt hại 03 chiếc xe mô tô (gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Noza màu ghi, biển kiểm soát 38H1-12030 , 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ đen biển kiểm soát 38H3-2555, 01 xe mô tô nhãn hiệu Altila màu đen xám biển kiểm soát 29-4 0383 ) là 2.361.000 đồng.

\* Tại Kt luận định giá tài sản số 33/HĐĐG ngày 22/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự , Ủy ban nhân dân huyện H xác định thiệt hại tài sản đối với chiếc ổ khóa là : 30.000 đồng và phần hư hỏng của cánh cửa cổng sắt là 160.000 đồng.

\* Vật chứng vụ án đã trả lại cho chủ sở hữu:

- 01 ( một ) chiếc mô tô nhãn hiệu Noza, màu trắng xám, mang biển kiểm soát 38H1-2555, một số phần nhựa phía trước xe bị vỡ, hư hỏng. Chiếc xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter màu đỏ đen mang biển kiểm soát 38H3-2555, một số phần nhựa phía trước xe bị vỡ, hư hỏng. Chiếc xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc mô tô nhãn hiệu Altila, màu đen xám mang biển soát 29-4 0383, một số phần nhựa phía trước xe bị vỡ, cụm đồng hồ hư hỏng. Chiếc xe đã qua sử dụng.

\* Vật chứng vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện H:

- 01 (một) con dao có cán dao bằng nhựa màu đen, dài 12 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng sáng 16cm , đầu nhọn, một mặt lưỡi dao được mài sắc, trên mặt lưỡi dao có khắc chìm chữ “KIWI - BRAND”, “MADE IN THAILAND ”, trên mặt cán dao có khắc chìm chữ “KIWI”. Con dao cũ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp, màu đen, đã bị hỏng phần chốt khóa , không có chìa khóa;

- 01 (một) phong bì thư được dán kín các mép, trên các mép có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong. Trong phong bì thư có 01 (một) chiếc USB.

\* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn Q yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, Đoàn Ngọc L đã thực hiện xong phần bồi thường. Bị hại chị Đoàn Thị Khánh L, anh Phan Văn H yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, Trần Văn Q đã thực hiện xong phần bồi thường.

Hành vi phạm tội trên của các bị cáo đã bị xét xử tại Bản án sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s, e khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, xử phạt Trần Văn Q 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, các điểm b, i, s, e khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS tuyên bố bị cáo Đoàn Ngọc L phạm tội “Cố ý gây thương tích”, xử phạt Đoàn Ngọc L 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án treo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Không đồng tình với bản án sơ thẩm, ngày 20/5/2020 bị cáo, bị hại Trần Văn Q kháng cáo cho rằng mức án xét xử 9 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là nặng, mức án 9 tháng tù giam đối với bị cáo L là nhẹ, đề nghị tăng hình phạt, thay đổi tội danh đối với bị cáo Đoàn Ngọc L từ tội “cố ý gây thương tích” sang tội danh “giết người”, đề nghị giám định lại tỷ lệ thương tật; ngày 25/5/2020 bị cáo Đoàn Ngọc L kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm,

tuyên bố bị cáo không phạm tội; ngày 25/5/2020 bị hại Đoàn Thị Khánh L kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên buộc Trần Văn Q phạm tội “Hủy hoại tài sản”, tăng hình phạt và không cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Ngọc L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo Trần Văn Q rút nội dung đề nghị giám định lại tỉ lệ thương tật. Bị hại Đoàn Thị Khánh L cung cấp 01 USB và bổ sung nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét hành vi đánh người già của Trần Văn Q và xâm phạm chỗ ở trái phép. Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Ngọc L và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Đoàn Thị Khánh L cho rằng: Hành vi của bị cáo Đoàn Ngọc L không thỏa mãn “tính chất côn đồ” mà bị cáo thực hiện hành vi trong trạng thái bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra, thương tích 10%, do đó, đề nghị HĐXX tuyên bố Đoàn Ngọc L không phạm tội, đình chỉ xét xử đối với bị cáo L. Đối với kháng cáo của bị hại, Luật sư cho rằng cần xem xét hành vi Trần Văn Q xâm phạm chỗ ở của người khác; xem xét vai trò đồng phạm của Trần Lý Q, Nguyễn Thế A giúp sức về mặt tinh thần cho Q. Do đó, đề nghị tăng mức hình phạt, không cho bị cáo Trần Văn Q được hưởng án treo, hủy một phần bản án sơ thẩm tuyên bị cáo L không phạm tội, điều tra lại hành vi xâm phạm trái phép chỗ ở người khác của bị cáo Q, vai trò đồng phạm của Trần Lý Q, Nguyễn Thế A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích nhân thân, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Về áp dụng pháp luật, đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả hai bị cáo Đoàn Ngọc L và Trần Văn Q.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào Kt quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, điều tra viên, kiểm sát viên quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đoàn Ngọc L hoàn toàn thừa nhận hành vi đã thực hiện, tuy nhiên Đoàn Ngọc L cho rằng do tinh thần bị kích động mạnh nên đã gây thương tích 10% cho Trần Văn Q, bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Trần Văn Q cho rằng Đoàn Ngọc L phải bị truy tố đối

với tội danh “Giết người”; chị Đoàn Thị Khánh L cho rằng bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Hủy hoại tài sản”, có hành vi đánh người già, xâm phạm trái phép chỗ ở, tăng hình phạt và không cho Trần Văn Q được hưởng án treo. Do đó, cấp phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá lại về hành vi, tội danh của Đoàn Ngọc L và Trần Văn Q.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của Đoàn Ngọc L:

[3.1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Đoàn Ngọc L thừa nhận, chính bị cáo là người cầm một con dao, có đầu nhọn, sắc chém nhiều nhát vào vùng cổ, tai và vai của Trần Văn Q, làm tổn thương cơ thể Trần Văn Q với tỷ lệ 10%.

[3.1.1] Tại tiểu mục 3.1 Mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn: “Dùng hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của BLHS là trường hợp dùng vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm theo hướng dẫn tại các tiểu 2.1 và 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17.4.2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”. Tại các tiểu mục 2.1 và 2.2 mục 2 của Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP nêu trên đã hướng dẫn: “2.2. Phương tiện nguy hiểm là công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) hoặc vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công. a. Về công cụ, dụng cụ: Ví dụ: búa đinh, dao phay, các loại dao sắc, nhọn...”

Như vậy, việc Đoàn Ngọc L sử dụng dao sắc, nhọn để chém nhiều nhát vào Trần Văn Q làm tổn thương cơ thể Q tỷ lệ 10% đã thỏa mãn dấu hiệu về tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS.

[3.1.2] Đối với hành vi của Trần Văn Q đập phá tài sản của gia đình anh H, chị L, có hành vi đẩy ngã bố mẹ chị L, L chỉ được nghe nói lại mà hoàn toàn không trực tiếp chứng kiến. Chính bị cáo L cũng khai nhận trước đó khi nghe ồn ào bên nhà chị L, bị cáo sang nhà chị L nhưng không gặp Q, nghe chị L nói chuyện Q đến đòi nợ, L nói chị L tự giải quyết rồi ra về, khi ông K, bà Phấn đi xuống nhà chị L thì L đã cản ngăn, khuyên ông bà không nên xuống. Bản thân Q trên tay có cầm gậy, dùi cui điện nhưng không sử dụng công cụ này để gây thương tích hay có hành vi tác động đến việc đánh người mà chỉ đập phá tài sản và đe dọa; khi L gặp Q thì Q đã đi ra khỏi nhà chị L, hành vi đã hoàn toàn chấm dứt, vị trí của Q cách cổng nhà chị L 04m theo hướng ra Quốc lộ 8A; L cũng không trực tiếp nhìn thấy hiện trường việc bà Phấn, ông K bị xô ngã như lời khai của bị cáo. Lúc này, Q không thực hiện hành vi nào làm cho tinh thần của L phải bị kích động, bị cáo L hoàn toàn tự chủ được hành vi của mình, Q cũng không có hành vi hay lời nói nào xúc phạm đến L nhưng L đã dùng dao chém nhiều nhát vào vùng cổ, tai và vai của Q. Khi Q đã bỏ chạy thì L còn tiếp tục đuổi theo để thực hiện hành vi của mình đến cùng. Hành vi của L thể hiện tính chất côn đồ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS. Tại Công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 và tại Hội nghị tổng Kt công tác ngành Tòa án năm

1995 giải thích: “ “có tính chất côn đồ” là hành động thể hiện sự coi thường pháp luật; luôn phá rối trật tự trị an; sẵn sàng và thích dùng vũ lực để uy hiếp người khác; vô cớ hoặc chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhặt là đâm chém, thậm chí giết người, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự người khác”; hiện nay, án lệ số 17/2018/AL cũng đã nói rõ về “tính chất côn đồ”. Như vậy, mặc dù Trần Văn Q không có hành động gì tác động đến Đoàn Ngọc L, L và Q cũng không có mâu thuẫn từ trước nhưng L đã sẵn sàng dùng dao sắc, nhọn chém nhiều nhất vào người của Trần Văn Q. Hành vi đó thể hiện bản tính hung hăng, côn đồ, coi thường pháp luật, xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Việc Đoàn Ngọc L cho rằng, bị cáo không phạm tội là không có căn cứ để chấp nhận. Hành vi của bị cáo thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS như phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3.1.3] Về nội dung kháng cáo của Đoàn Ngọc L cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” nhưng lại đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất côn đồ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 BLHS là mâu thuẫn trong việc áp dụng pháp luật. Cấp phúc thẩm thấy rằng, bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo L nên việc kháng cáo không có cơ sở. Hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Ngọc L có tính chất côn đồ (là tình tiết định tội) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng cho bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS là có mâu thuẫn trong việc đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo cũng như thiếu thống nhất trong việc áp dụng pháp luật. Vì vậy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS đối với Đoàn Ngọc L là có căn cứ. Do đó, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

[3.2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo đồng thời là bị hại Trần Văn Q:

Bị cáo Trần Văn Q kháng cáo đối với tội danh của Đoàn Ngọc L, cho rằng Đoàn Ngọc L phạm tội “Giết người”. Cấp phúc thẩm thấy rằng, cấu thành tội “Giết người” xét về mặt khách quan thì người phạm tội phải “*có hành vi tước đoạt mạng sống của người khác*” được thể hiện qua hành vi dùng mọi thủ đoạn nhằm làm cho người khác chấm dứt sự sống; về mặt chủ quan người phạm tội phải mong muốn hoặc phải nhận thức được về hậu quả chết người có thể xảy ra. Trong vụ án này, do Đoàn Ngọc L biết được sự việc Q đến nhà để đòi nợ gia đình chị gái, nghe tin có xô xát tại nhà chị gái nên khi thấy Q thì dùng dao chém vào người. Như vậy, về ý thức chủ quan L không có ý định tước bỏ mạng sống của Q. Hành vi dùng dao chém, rượt đuổi Q đã bị cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” là phù hợp. Mặt khác, thương tích của Q do Đoàn Ngọc L dùng dao chém là 10%. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Đoàn Ngọc L về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Nội dung kháng cáo của Trần Văn Q không có căn cứ nên không được chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.



[3.3] Xét kháng cáo của bị hại Đoàn Thị Khánh L về việc truy tố Trần Văn Q về tội “Hủy hoại tài sản”. Cấp phúc thẩm thấy rằng, về dấu hiệu cơ bản để phân biệt tội “Hủy hoại tài sản” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là trên sơ sở xác định giá trị sử dụng của tài sản. Tài sản của gia đình chị L bị Trần Văn Q đập, phá, qua Kt luận định giá, các tài sản này bị giảm sút giá trị sử dụng chứ không bị mất hẳn giá trị sử dụng; Q cũng đã bồi thường đầy đủ và chị L đã nhận tiền bồi thường. Do đó, việc truy tố Q về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là đúng pháp luật. Chị L còn kháng cáo đề nghị làm rõ hành vi đánh người già và xâm phạm trái phép về chỗ ở. Hội đồng phúc thẩm thấy rằng, khi Q đến nhà chị L đòi nợ, hai bên có lời qua tiếng lại, xích mích, gây ồn ào. Q có hành vi làm ngã bà Phấn và ông K nhưng qua lời khai của bà Phấn tại phiên tòa thì khi thấy Q to tiếng, đập phá tài sản, bà Phấn đã đến gần Q và có hành vi nài nỉ Q dừng tiếp tục thực hiện hành vi của mình. Lúc đó, Q đã gạt tay, đẩy bà Phấn ra và làm bà Phấn ngã xuống đất, điều này cũng phù hợp với lời khai của bị cáo L tại phiên tòa là khi quay lại thì thấy bà Phấn ngồi ở sân chứ không phải đang nằm xuống sân. Mặt khác, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ông K, bà Phấn không có yêu cầu gì đối với bị cáo Q về thương tích, bồi thường dân sự. Vì vậy, không đủ căn cứ để xem xét đối với hành vi đánh người già của bị cáo Q như lời khai nại của chị L. Mặt khác, việc chị L cho rằng Q đã xâm phạm trái phép chỗ ở là không đủ căn cứ để chấp nhận bởi vì chị L, anh H đang nợ tiền của Q từ năm 2018 đến nay, Q cũng đã đòi nợ nhiều lần nhưng gia đình chị L không trả, trách nhiệm của chị L, anh H là phải trả đủ số tiền còn nợ; việc Q đến nhà chị L là để đòi tiền nợ chứ không phải mục đích xâm phạm trái phép chỗ ở gia đình chị L. Chị L còn kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt, không cho bị cáo Trần Văn Q hưởng án treo tuy nhiên cần phải đánh giá khách quan rằng, nguyên nhân vụ án bắt nguồn từ một phần lỗi của gia đình chị L, anh H do nợ tiền của Trần Văn Q nhưng không chịu trả, khi Q đến đòi nợ thì chính chị L đã sử dụng những lời lẽ khiếm nhã, có phần thách thức dẫn đến việc Q đập phá tài sản và có hành vi đẩy ngã những người đến can ngăn. Đồng thời, Đoàn Ngọc L là em trai của chị L cũng chính là người đã dùng dao chém nhiều nhất vào vùng trọng yếu trên cơ thể của Q. Trần Văn Q cũng đã phải điều trị vết thương trong một thời gian dài. Bản thân chị L tại phiên tòa sơ thẩm cũng đã đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q. Việc cho Trần Văn Q được hưởng án treo để tiếp tục theo dõi vết thương, ổn định sức khỏe như phán quyết của cấp sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định tại Nghị quyết số 02/2018/N-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo. Nội dung kháng cáo của chị L không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, chị L có cung cấp 01 USB cho rằng đây là đoạn ghi âm, ghi hình sự việc xảy ra, bị cáo L và luật sư cho rằng nội dung này đã được chị L giao nộp nhưng cơ quan điều tra không đưa vào hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, điều tra viên đã trả lời về nội dung này và khẳng định USB đã được cơ quan điều tra xem xét, đánh giá và niêm phong chuyển cơ quan Thi hành án theo quy định, Biên bản giao nhận và xem xét chứng cứ được thể hiện tại bút lục 285 hồ sơ vụ án. Do đó, lời khai nại này của bị hại, bị cáo L và luật sư là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng đã xem công khai nội dung ghi

âm, ghi hình mà chị L cho rằng đây là nội dung được chị lưu trữ tại USB qua điện thoại di động của luật sư. Tại đoạn ghi âm, ghi hình thể hiện hình ảnh có 02 người là nam, không rõ mặt, có to tiếng dọa nạt nhưng không rõ nội dung; có tiếng 02 người phụ nữ, không rõ mặt có cự cãi. Xét thấy, nội dung này đã được thể hiện tại Kt luận điều tra, cáo trạng của Viện kiểm sát và bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét là tài liệu, chứng cứ mới và không làm thay đổi bản chất vụ án.

Trong vụ án này, mặc dù bị cáo Đoàn Ngọc L bị áp dụng hai tình tiết định khung nhưng cấp sơ thẩm chỉ xử phạt mức án 09 tháng tù là đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để chiếu cố cho bị cáo và đã đánh giá về hành vi có lỗi của Trần Văn Q.

Đối với kháng cáo của chị Đoàn Thị Khánh L về việc bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Đoàn Văn Q, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Q đến đòi nợ nhà chị L, mặc dù chị L có lời lẽ khiếm nhã nhưng chưa đến mức tác động bị cáo Q kích động về tinh thần. Do đó việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Q là chưa đúng.

Về nội dung kháng cáo bỏ lọt đồng phạm khác, qua các chứng cứ, tài liệu, lời khai có tại hồ sơ và lời khai tại phiên tòa, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại Đoàn Thị Khánh L và ý kiến của luật sư về vai trò đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần của Trần Lý Q và Nguyễn Thế A. Anh Quý và anh Thế Anh có mặt để can ngăn Q thực hiện hành vi đập phá tài sản và cản trở việc L chém Q.

Từ các vấn đề trên, cấp phúc thẩm thấy rằng, nội dung kháng cáo của các bị cáo, bị hại không có căn cứ nên không được chấp nhận. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Đoàn Ngọc L, bị cáo đồng thời là bị hại Trần Văn Q, bị hại Đoàn Thị Khánh L. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 12-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

### 1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS tuyên bố bị cáo **Đoàn Ngọc L** phạm tội “Cố ý gây thương tích”, xử phạt Đoàn Ngọc L 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS tuyên bố bị cáo **Trần Văn Q** phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, xử phạt Trần Văn Q 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Về hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Đoàn Ngọc L, Trần Văn Q, bị hại Đoàn Thị Khánh L mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, Công an huyện H;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Phòng PV 27, PC44 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THA huyện H;
- Người tham gia tố tụng (theo quy định);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Đào**